

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN XÉT ĐIỂM THI THPTQG 2016
KHOA NGOẠI NGỮ

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
KHA000033	BÙI THỊ LAN ANH	14/12/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.50
TND000055	DƯƠNG THỊ LAN ANH	04/07/98	Nữ		2NT	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.75
TND000084	ĐINH HUỆ ANH	31/08/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
TND000087	ĐINH THỊ NGỌC ANH	05/01/96	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
MDA000052	ĐỖ HOÀNG ANH	04/09/98			1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.50
TND000068	ĐỖ THỊ NGỌC ANH	23/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.50
KHA000112	HÀ THỊ VÂN ANH	08/10/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	17.50
THV000094	HOÀNG MINH ANH	05/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
XDA000057	HOÀNG THỊ KIM ANH	08/04/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
TND000123	HOÀNG THỊ MINH ANH	11/11/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	22.00
TND000102	HỒ NGỌC ANH	11/09/98			2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.25
NTH000136	LÊ HÀ ANH	12/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.25
THV000108	LÊ HÀ ANH	13/08/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.00
TND000145	LÊ MINH ANH	10/09/98	Nữ		2	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	23.25
DTS000035	LÊ TRÂM ANH	30/11/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.75
TND000164	LƯƠNG THỊ LAN ANH	03/11/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.00
NTH000161	LƯU VÂN ANH	30/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
KHA000158	LÝ HUỆ ANH	09/02/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.25
TND000005	LÝ THỊ AN	01/06/98	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.75
TND000172	LÝ THỊ LAN ANH	09/09/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.50
TMA000151	NGÔ VIỆT ANH	08/01/97			2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
KHA000242	NGUYỄN THỊ LAN ANH	16/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
HTC000007	NGUYỄN THỊ AN	22/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
TND000227	NGUYỄN THỊ ANH	23/05/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
TND000249	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	08/11/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
TND000236	NGUYỄN THỊ LAN ANH	02/02/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.25
KHA000314	NGUYỄN VÂN ANH	25/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
KHA000027	NGUYỄN THỊ THANH AN	17/05/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	26.00
DTK000051	NÔNG VIỆT ANH	18/07/97	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	27.00
NTH000037	TRẦN QUỲNH AN	10/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.25
TND000357	TRẦN THỊ ANH	16/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
TND000368	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	21/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
KHA000397	TRẦN VÂN ANH	02/01/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND000389	TRINH THỊ KIM ANH	05/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	28.00
GHA000329	TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH	23/02/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.50
KHA000417	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	09/08/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND000415	CHU THỊ ÁNH	14/08/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
TND000418	DƯƠNG THỊ ÁNH	19/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
TND000429	ĐOÀN THỊ ÁNH	23/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.00
TND000435	HOÀNG THỊ NGUYỆT ÁNH	10/07/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
KHA000449	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	20/08/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.75
YTB000944	HỨA NGUYỆT ÁNH	16/12/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND000469	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	20/12/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
KQH001240	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	22/01/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
YTB000989	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	16/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND000459	NGUYỄN THỊ ÁNH	01/08/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
TND000464	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	09/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
TND000467	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	19/06/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.50
TND000465	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	13/12/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
KHA000510	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	18/10/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.25
TND000478	SẢN NGỌC ÁNH	16/05/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	17.25
TND000490	TRINH THỊ ÁNH	21/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
XDA000235	VI THỊ BAY	05/12/94	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.50
XDA000269	HỨA THỊ BIỂN	26/03/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.25
GHA000454	NGÔ BÁ BIỂN	06/06/98			2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
XDA000273	DƯƠNG THỊ BÌNH	01/06/96	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.75
TND000597	PHAN THU BÌNH	17/07/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50
TND000551	ĐỖ THỊ NGỌC BÍCH	11/04/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.25
KHA000599	TRẦN NGỌC BÍCH	12/04/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.00
TND000630	CHU THỊ CHÂM	11/05/98	Nữ	01	2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.75
XDA000332	LÂM THỊ PHƯƠNG CHÂM	26/01/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.00
GHA000525	TRƯƠNG THỊ CHÂM	03/07/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.25
XDA000400	LÝ THÚY CHIỂU	20/06/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
GHA000545	NGUYỄN LINH CHI	26/08/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.25
KHA000765	NGUYỄN THỊ CHINH	24/08/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.25
TND000677	NGUYỄN THỊ YẾN CHI	01/09/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.25
TND000728	PHẠM THỊ CHIỂU	26/09/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	14.00
KHA000729	THÂN THỊ CHIẾN	01/10/98	Nữ	04	2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.50
TND000684	TRẦN LINH CHI	15/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
KHA000773	TRINH THỊ CHINH	15/07/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.00
TND000690	VŨ THỊ CHI	16/09/98	Nữ		1	D220203-Ngôn ngữ Pháp	17.50
HDT002090	PHẠM THỊ HỒNG CHUYỀN	08/07/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
KHA000813	THÂN THỊ CHUYỀN	25/07/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	26.50
KHA000812	THÂN THỊ CHUYỀN	25/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND000776	VƯƠNG THỊ CHUNG	04/10/97	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.50
GHA000665	NGUYỄN MINH CÔNG	23/11/98			2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.00
TND000790	TẶNG THỊ MINH CÔ	15/03/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	29.50
SP2000674	CAO THỊ BẠCH CÚC	20/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.00
YTB001550	LÊ THỊ CÚC	03/06/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50
TMA000664	NGÔ THỊ CÚC	16/05/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.25
GHA000687	NGUYỄN THỊ CÚC	06/10/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.75
TQU000299	NGUYỄN THỊ CÚC	26/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.75
TND000829	NGUYỄN THỊ CÚC	06/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
XDA000469	NÔNG THỊ KIM CÚC	20/12/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.00
KHA000862	TRẦN THỊ CÚC	28/12/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	25.50

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
DTZ000142	TRIỆU THỊ CÚC	04/06/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.25
BKA001744	ĐẶNG DUY CƯỜNG	04/04/98			3	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.00
TND000841	LÊ VĂN CƯỜNG	06/07/98			1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
LPH000398	TRẦN MẠNH CƯỜNG	25/05/98			1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
TND000955	DƯƠNG NGỌC DINH	04/11/98	Nữ	06	2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.00
XDA000545	HOÀNG THỊ DIỄU	06/04/97	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	15.50
XDA000549	HOÀNG THỊ DIỄU	30/01/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
XDA000550	HOÀNG THỊ DIỄU	30/12/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
XDA000537	LỤC THỊ ÁNH DIỆP	03/01/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
YTB001769	NGÔ THỊ XUÂN DIỆU	17/04/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.75
KHA000974	NGUYỄN THỊ DIỄM	10/03/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
DTK000270	NÔNG THỊ DIỄU	06/11/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.25
TND000953	THÁI THỊ DIỄU	17/10/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
TND000980	DƯƠNG THỊ THUY DUNG	15/08/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	21.25
KHA001033	HOÀNG THỊ DUNG	09/03/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.25
XDA000574	LÃNG THỊ DUNG	15/06/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.25
TND001002	LÊ KIM DUNG	20/09/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
SPH002049	LÊ THỊ THUY DƯƠNG	09/04/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.75
XDA000687	LỘC THỊ THUY DƯƠNG	13/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.00
TND001285	LÝ THỊ DƯƠNG	19/02/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.75
TND001077	LÝ TIẾN DŨNG	17/09/97		01	2	D220201-Ngôn ngữ Anh	17.75
TND001210	MA THỊ THẢO DUYỀN	29/09/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	26.00
TND001007	MA THỊ THUY DUNG	15/02/97	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
XDA000617	NGÔ MẠNH DŨNG	02/04/98		01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.00
TND001211	NGÔ THỊ DUYỀN	20/02/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
THV000836	NGUYỄN ANH DŨNG	05/06/98			1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
DTS000281	NGUYỄN LINH DUY	03/02/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
TND001091	NGUYỄN MẠNH DŨNG	08/03/98			2	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
TND001018	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	28/09/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
TND001218	NGUYỄN THỊ DUYỀN	28/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.00
KQH002196	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	10/09/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.75
KHA001223	NGUYỄN THỊ DUYỀN	13/08/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.25
MDA000742	PHẠM THỊ THUY DUNG	17/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND001036	VŨ PHƯƠNG DUNG	21/03/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
KHA001361	CHU THỊ ĐÀO	07/06/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
KHA001356	DƯƠNG THỊ MỸ ĐAN	23/07/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.25
DTK000421	LONG THỊ ĐIẾP	01/04/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.25
TND001508	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	20/02/98			2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	13.00
SP2001226	HOÀNG THỊ GIANG	16/05/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	25.25
TND001666	NGÔ THỊ GIANG	24/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
TND001675	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	26/11/98	Nữ	06	2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	28.25
TND001721	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	26/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.50
KHA001685	TRẦN THỊ NAM GIANG	16/02/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
TQU000611	TRẦN THỊ THUY GIANG	20/09/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND001746	DƯƠNG NGỌC HÀ	20/01/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
YTB003142	ĐẶNG THỊ HÀ	25/10/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.25
DCN003417	ĐẶNG THỊ THU HÀ	29/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.75
YTB003153	ĐOÀN THỊ THU HÀ	10/08/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
YTB003134	ĐỖ THỊ HỒNG HÀ	28/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
NTH001230	HOÀNG THỊ THU HÀ	26/10/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.25
BKA003088	HUỖNH THANH HÀ	25/01/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.50
TND001784	LÊ ĐIỀU HÀ	26/08/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
TND001830	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	08/08/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.25
TND001817	NGUYỄN THỊ HÀ	02/11/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
TDV004581	NGUYỄN THỊ HÀ	22/05/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
KHA001768	NGUYỄN THỊ HÀ	05/02/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	21.00
TND001822	NGUYỄN THỊ HÀ	24/02/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	25.75
NTH001258	NGUYỄN THỊ HÀ	08/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.00
XDA000960	NÔNG THỊ HẢI HÀ	22/01/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
HTC000658	PHẠM THỊ HÀ	29/04/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
TTB000705	THẢO THỊ MỸ HÀ	05/11/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.50
XDA000969	TÔ THỊ HÀ	27/12/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
KQH003752	TRẦN THỊ THU HÀ	10/11/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
TND001867	TRẦN VIỆT HÀ	11/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
TND001851	TRIỀU THỊ HÀ	04/07/97	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
TDV004729	VŨ THỊ HÀ	07/07/97	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND002063	HOÀNG MINH HẢO	13/11/98	Nữ		2	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.75
TND001919	NGUYỄN ĐỨC HẢI	15/02/98			2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.25
THV001421	NGUYỄN HỮU HẢI	24/01/98		06	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.75
GHA001527	NGUYỄN THỊ HẢI	29/03/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.75
GHA001524	NGUYỄN THỊ HẢI	14/02/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
TND002072	NGUYỄN THỊ HẢO	08/05/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.25
TND002083	TẠ THỊ HẢO	22/05/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	12.75
KHA002027	THÂN THỊ BÍCH HẢO	03/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
KHA001916	VŨ THỊ HẢI	21/08/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.50
TND001961	DIỆP THỊ HẠNH	06/09/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	30.50
LPH000801	ĐOÀN MỸ HẠNH	14/10/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.75
XDA001018	HOÀNG THỊ HẠNH	09/09/98	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.00
KHA001944	LEO THỊ HẠNH	20/05/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
TND001996	NGUYỄN MAI HẠNH	09/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
TND002010	NGUYỄN THỊ HẠNH	18/08/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	31.25
TND002019	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	27/01/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.75
TND002003	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	24/02/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
KHA001961	NGUYỄN THỊ HẠNH	08/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	26.00
TND002008	NGUYỄN THỊ HẠNH	09/06/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND002031	TÔ THỊ HẠNH	08/11/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
TND002038	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	07/10/97	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND002032	TRIỀU THỊ HẠNH	04/01/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.00
YTB003653	BÙI THỊ THU HẰNG	17/06/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.50
TND002096	DƯƠNG THỊ HẰNG	25/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.25

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
XDA001055	DƯƠNG THỊ HẰNG	13/01/98	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.50
NTH001494	ĐÌNH THÚY HẰNG	20/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
KHA002061	HOÀNG NGUYỆT HẰNG	10/06/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
HDT005131	LỤC THỊ THU HẰNG	03/11/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
KHA002086	NGÔ THỊ HẰNG	03/08/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
KQH004252	NGÔ THỊ BÍCH HẰNG	26/06/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
GHA001693	NGUYỄN THỊ HẰNG	06/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
TND002151	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	17/01/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.25
GHA001733	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	18/05/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.75
KHA002096	NGUYỄN THỊ HẰNG	01/07/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.50
GHA001706	NGUYỄN THỊ HẰNG	14/06/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.50
XDA001082	NÔNG THỊ THÚY HẰNG	22/07/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.25
KHA002139	PHẠM THỊ HẰNG	15/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.00
KHA002153	THÂN THỊ HẰNG	10/06/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
NTH001546	TRẦN THỊ HẰNG	10/04/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	17.00
KHA002167	TRẦN THỊ LÊ HẰNG	26/11/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
THP000820	TRẦN THỊ THU HẰNG	06/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.25
TND002197	ĐÌNH THỊ HẬU	27/07/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
KHA002197	HÀ THỊ HẬU	11/12/98	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.50
GHA001769	LÊ THỊ HẢI HẬU	17/03/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
KHA002207	NGUYỄN CÔNG HẬU	05/03/98			1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.75
TQU000760	NGUYỄN THỊ HẬU	04/12/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.75
XDA001139	ÂU THỊ HIỂN	26/10/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.25
TTB000820	BÙI THU HIỂN	27/04/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
KHA002387	CHU THỊ HIỆP	23/04/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
TND002378	DƯƠNG VĂN HIẾU	18/05/98			2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.75
SP2001811	ĐÀO HUY HIẾU	13/11/98			2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
SPH003361	ĐẶNG THỊ MINH HIỂN	21/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
MDA001649	ĐÌNH THỊ THU HIỂN	25/07/97	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
TND002407	HOÀNG THỊ HIẾU	07/12/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	17.75
SKH002206	LÊ THỊ THU HIỂN	02/12/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.75
TND002257	LÊ THU HIỂN	23/08/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	14.75
TND002262	LƯU THẾ HIỂN	19/11/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND002344	NGÔ THƯỢNG HIỆP	18/01/98			2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
NTH001630	NGUYỄN THANH HIỂN	21/12/98	Nữ		2	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.00
MDA001671	NGUYỄN THỊ HIỂN	17/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
GHA001866	NGUYỄN THỊ HIỂN	30/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
TND002287	NGUYỄN THU HIỂN	30/01/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND002478	NGUYỄN VĂN HIẾU	16/05/98		01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.00
KHA002320	PHAN THỊ HIỂN	05/11/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.50
TND002223	PHẠM MINH HIỂN	21/11/97	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.50
YTB004021	PHẠM THỊ HIỂN	14/08/98	Nữ		2NT	C140231-Sư phạm tiếng Anh	15.00
YTB004028	PHẠM THỊ THANH HIỂN	28/03/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
TQU000854	TRẦN PHÍ MINH HIẾU	23/04/98			1	D220201-Ngôn ngữ Anh	26.50
TND002307	TRỊNH THỊ THANH HIỂN	21/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
THV001944	CAO THỊ THU HOÀI	09/12/97	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
NHH000845	CÀ THỊ HOA	02/06/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	27.75
TND002549	CHU THANH HOA	24/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
DTS000588	DƯƠNG THANH HOA	07/02/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.75
TND002759	DƯƠNG THỊ HOÀNG	26/06/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.75
XDA001327	ĐÀM THU HOÀI	18/11/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.00
KHA002568	ĐINH THỊ HOA	22/11/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
GHA002035	ĐOÀN THỊ HOA	27/11/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	23.00
KHA002677	ĐOÀN THỊ HOÀI	22/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.25
TND002680	HOÀNG THỊ HOÀI	08/01/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.75
XDA001285	LÀNH THỊ HOA	26/02/97	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	23.75
TND002710	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	21/04/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.00
XDA001368	NGUYỄN THỊ HOÀN	18/10/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.25
NTH001844	NGUYỄN THỊ HOÀI	03/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
TND002712	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	24/06/97	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
KHA002695	NGUYỄN THỊ HOÀI	05/09/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.00
GHA002179	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	08/06/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
KHA002699	NGUYỄN THỊ HOÀI	24/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
LNH002106	NGUYỄN THỊ KIỀU HOA	10/09/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
TND002597	NGUYỄN THỊ HOA	28/10/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
TND002721	PHẠM THỊ HOÀI	09/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
KHA002610	PHẠM THỊ HOA	11/12/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.00
KHA002708	PHẠM THU HOÀI	30/08/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.50
XDA001299	SẨM THỊ HOA	21/05/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.75
TND002616	TIÊU THỊ HOA	15/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
DCN005002	TRẦN THỊ HOÀI	10/06/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	25.75
TND002851	TRẦN VĂN HOÀNG	06/08/96		01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
YTB004583	VŨ THỊ HOÀI	10/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND002730	VŨ THỊ HOÀI	08/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
DCN004821	VŨ THỊ KIM HOA	24/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.00
XDA001313	LỘC THỊ HÒA	02/12/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
TND002656	NGUYỄN THÁI HÒA	04/05/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.75
TND002883	DƯƠNG THỊ HỒNG	10/12/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.75
TND002911	MAI THỊ HỒNG	20/10/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
KHA002899	NGUYỄN THỊ HỒNG	29/05/96	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	29.00
YTB005296	BÙI NGỌC HUYỀN	22/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
KHA003160	DƯƠNG THỊ HUYỀN	02/10/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
TND002998	DƯƠNG THỊ HUỆ	21/02/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
TND003281	ĐINH THỊ THU HUYỀN	12/10/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
HDT006880	ĐỒNG THỊ HUỆ	03/02/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
NTH002196	HÀ THỊ HẢI HUYỀN	21/10/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
TND003010	LÃ THỊ HUỆ	25/08/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND003174	LÊ QUANG HUY	19/08/98			1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	29.50
XDA001485	LƯƠNG THỊ HUỆ	17/10/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	29.00
DTK000865	MÃ THỊ HUYỀN	17/12/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
TND003327	NGÔ THỊ THU HUYỀN	03/08/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
TND003339	NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/10/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
GHA002565	NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
KHA003267	NGUYỄN THỊ HUYỀN	26/08/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	27.25
THV002116	NGUYỄN THỊ HỒNG HUẾ	20/11/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	17.25
KHA003237	NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/12/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	17.50
TND002981	NGUYỄN THỊ HUẾ	06/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
KHA003013	NGUYỄN THÚY HUẾ	22/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
LPH001212	NGUYỄN THU HUYỀN	09/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	26.50
GHA002400	NGUYỄN THU HUỆ	20/11/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	26.00
TND002961	NGUYỄN VĂN HUẤN	21/05/98			2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
TND002987	NÔNG THỊ NGỌC HUẾ	03/05/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	17.50
HDT007684	PHẠM THỊ HUYỀN	28/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
TND003365	PHẠM THỊ HUYỀN	23/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
KHA003301	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	06/06/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.50
TND003029	PHẠM THỊ THU HUỆ	23/08/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
TND003034	TRẦN MAI HUỆ	27/04/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND003037	TRẦN THANH HUỆ	06/05/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
KHA003325	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	07/02/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
DTZ000494	TRIỀU THỊ HUỆ	07/01/98	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
KHA003335	VŨ THỊ HUYỀN	24/07/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.50
TND003495	DƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG	09/12/98	Nữ		2NT	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.25
XDA001654	ĐÀM THỊ HƯƠNG	15/04/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
TND003506	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	15/10/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
TND003623	ĐỖ THỊ HƯƠNG	19/02/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.50
XDA001666	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	08/08/97	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.00
TND003535	LƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG	30/07/97	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
TND003538	LÝ THỊ HƯƠNG	11/06/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	30.00
DTZ000555	NGUYỄN HOÀI HƯƠNG	25/09/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50
NTH002401	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	07/06/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND003640	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.50
KHA003481	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	30/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
HVN004574	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	07/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
MDA002446	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	22/04/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.50
TDV008541	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/02/97	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
TND003581	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	21/04/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
TND003639	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	09/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.00
DTK000924	NÔNG THỊ HƯƠNG	20/02/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.25
YTB005892	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	29/06/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
TMA002655	PHẠM THỊ HƯƠNG	05/01/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	21.75
TDV008496	VĂN THỊ HƯƠNG	18/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.75
THV002689	VŨ THÚY HƯƠNG	29/10/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
TLA005491	VŨ TRẦN QUANG KHẢI	03/02/98			3	C140231-Sư phạm tiếng Anh	9.00
TQU001327	ĐÀM NGỌC LAN	11/11/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
TTB001296	ĐẶNG THỊ MAI LAN	25/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.75

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
DTZ000616	LUÂN THI LAN	20/07/97	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
TND003886	NGUYỄN THANH LAM	21/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND003935	NGUYỄN THỊ THANH LAN	29/01/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.75
GHA003124	TẠ THI LAN	22/06/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
TND004016	ĐỒNG THÚY LẬP	20/04/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	26.00
DCN007063	ĐỖ THI LEN	25/12/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
DTZ000643	ĐINH THI LÊ	23/02/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.25
TND004028	ĐỖ LÊ NHẬT LÊ	31/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
XDA001968	HỨA THI LÊ	26/02/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.75
TND004040	NGUYỄN THU LÊ	21/02/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
KHA003931	TRẦN THI LÊ	10/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
XDA002028	CHU THỊ THUY LINH	09/10/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	17.75
TND004138	ĐỖ THỊ THÙY LINH	30/03/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.25
XDA002074	HOÀNG THỊ LINH	29/01/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	23.50
XDA002003	HOÀNG THỊ LIÊN	25/11/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
XDA002013	HOÀNG THỊ LIỄU	06/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.75
TND004186	HOÀNG THỊ THÙY LINH	25/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.00
KQH007684	HỒ THỊ HOÀI LINH	03/04/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.25
TND004210	LƯƠNG DIỆU LINH	30/10/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50
DTS000906	LÝ DIỆU LINH	14/07/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.00
NTH002695	MÙI THỊ LIÊN	03/06/98	Nữ	06	2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.75
KHA004081	NGÔ DIỆU LINH	22/09/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.00
TND004238	NGÔ THỊ LINH	15/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	27.50
TND004247	NGUYỄN DIỆP LINH	24/06/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.50
KHA004117	NGUYỄN MAI LINH	22/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.25
TND004071	NGUYỄN THÁI LIÊN	12/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
KHA004167	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	05/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.00
MDA002908	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	02/02/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.50
TDV009952	NGUYỄN THỊ LINH	01/04/97	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.75
DHS008325	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	14/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
TDV009969	NGUYỄN THỊ LINH	07/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
KHA004177	NGUYỄN THỊ MAI LINH	21/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.00
TND004276	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	07/01/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.50
KHA003958	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	28/12/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
THV003224	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	03/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
TND004274	NGUYỄN THỊ DIỆP LINH	04/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	27.75
GHA003390	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	20/12/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
BKA006427	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	24/01/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
BKA006372	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	09/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
TND004089	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIỄU	30/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
TND004299	NGUYỄN THỊ LINH	31/08/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	15.75
THP001501	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	18/07/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.75
TMA003163	NGUYỄN THÙY LINH	20/03/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.25
YTB007053	NGUYỄN THÙY LINH	20/02/98	Nữ		2NT	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.00
KQH008024	NGUYỄN THÙY LINH	23/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
BKA006493	PHAN THỊ KIỀU LINH	20/08/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.75
TND004356	PHAN TÚ LINH	24/04/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
MDA002966	PHẠM THỊ NHÌ LINH	07/06/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
HVN005485	PHẠM THỊ THÚY LINH	11/09/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.75
HVN005489	PHẠM THÙY LINH	09/09/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.25
TND004377	PHƯƠNG THÙY LINH	04/03/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
TDV010291	TRẦN THỊ LINH	19/05/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
TND004090	TRẦN VĂN LIÊU	08/04/98			1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
TND004048	NGUYỄN THỊ THANH LỊCH	02/04/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.75
TND004457	DƯƠNG THỊ LOAN	09/03/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
KQH008299	ĐẶNG NHẬT LONG	24/10/98			3	D220203-Ngôn ngữ Pháp	24.25
TND004475	NGUYỄN THỊ LOAN	30/04/98	Nữ		1	D220203-Ngôn ngữ Pháp	20.50
HVN005719	NGUYỄN VIỆT LONG	12/03/98			2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.75
TND004525	PHẠM THANH LONG	24/01/98			2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
TDV010717	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	01/08/98	Nữ		1	D220203-Ngôn ngữ Pháp	19.25
HTC001546	NGUYỄN THỊ LƯU	01/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
TND004615	VŨ HIỀN LƯƠNG	28/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
TND004624	NGUYỄN BÍCH LỰU	14/08/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.50
TND004583	NGUYỄN VĂN LỤC	08/06/98			1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.75
KHA004496	HÀ THỊ LY	16/02/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.25
TND004644	LÂM THỊ ÁNH LY	14/04/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
XDA002283	LÝ THỊ BÍCH LY	21/02/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
NTH003149	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	13/10/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	27.50
TND004668	NGUYỄN THỊ HẢI LY	11/12/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.75
YTB007656	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	28/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.00
TND004695	LƯU THIÊN LÝ	11/09/97	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.00
KHA004534	THÂN THỊ LÝ	02/11/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
NTH003168	ĐÀO THỊ MAI	05/05/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.75
XDA002321	HOÀNG THỊ QUỲNH MAI	01/08/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.25
TMA003490	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	12/01/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	24.75
NTH003195	NGUYỄN THỊ MAI	27/07/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.25
XDA002340	PHAN THỊ MAI	22/12/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.25
TND004764	PHẠM THỊ MAI	04/01/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	18.00
TND004773	THÂN THỊ NGỌC MAI	30/09/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
TND004780	TRẦN NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	17/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.50
YTB007818	TRẦN THỊ MAI	03/02/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.25
TND004834	TRIỀU ĐỨC MẠNH	15/10/98		01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.50
DTS001048	CHẦN THỊ MINH	26/06/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.50
XDA002377	CHU THỊ MINH	10/01/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.75
TND004884	LÊ THỊ MINH	26/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
KHA004742	NGUYỄN HỒNG MINH	27/10/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.00
HVN006172	NGUYỄN THỊ MINH	29/08/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.25
HDT011043	NGUYỄN THỊ MINH	12/11/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.00
TND004933	LỤC THỊ MONG	20/11/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
XDA002434	HOÀNG HÀ MY	17/11/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.25

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
TND004963	NGUYỄN HUYỀN MY	16/02/95	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND004965	NGUYỄN THỊ HÀ MY	04/07/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.75
YTB008159	NGUYỄN THỊ HÀ MY	16/03/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.75
LNH003748	TRINH THỊ HÀ MY	14/07/97	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
KQH009278	VŨ THỊ TRÀ MY	05/02/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
XDA002453	HOÀNG THỊ MỸ	26/10/98	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	15.00
TND005004	BÙI VĂN NAM	15/12/98			1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
GHA003999	NGUYỄN THỊ THANH NAM	25/11/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
KQH009528	DƯƠNG THỊ NGÀ	03/09/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
DTS001101	ĐINH THỊ PHƯƠNG NGÀ	12/09/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.25
THV003841	ĐINH THỊ THÚY NGÀ	11/09/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	29.75
DTZ000820	HOÀNG HẰNG NGÀ	09/04/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.00
KHA004940	NGUYỄN THỊ NGÀ	01/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.00
THV003858	NGUYỄN THỊ NGÀ	10/05/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.25
KHA004946	NGUYỄN THỊ NGÀ	10/01/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	17.25
TND005159	NINH THỊ NGÁT	16/04/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.75
GHA004091	PHAN THỊ NGÀ	04/05/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
KQH009694	BÙI THỊ NGÂN	06/06/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
YTB008510	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	28/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.50
TDV012363	NGUYỄN THỊ NGHĨA	16/10/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.50
KHA005056	TẶNG VĂN NGHĨA	15/03/98			1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	21.75
KHA005085	BÙI THỊ NHƯ NGỌC	07/04/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
TND005276	ĐÀO THỊ NGỌC	31/07/97	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.50
TND005282	GIANG THỊ NGỌC	14/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.75
XDA002600	HOÀNG THỊ NGOAN	24/10/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.00
TND005301	LƯỜNG THỊ HỒNG NGỌC	08/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND005308	MA THỊ NGỌC	24/06/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
TND005252	NGUYỄN THỊ NGOAN	30/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.25
NTH003626	NGUYỄN THỊ NGỌC	16/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
NTH003653	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	28/12/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
DCN009182	VŨ THỊ NGỌC	01/06/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.00
TND005421	DƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	10/05/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
TND005438	LIÊU THỊ NGUYỆT	10/04/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.75
BKA008116	NGUYỄN MINH NGUYỆT	13/03/98	Nữ		3	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.00
GHA004298	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	15/02/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
KHA005272	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	22/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
KHA005274	NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỆT	10/05/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	28.00
XDA002691	NÔNG THỊ NGUYỆT	01/02/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND005468	LÊ THỊ NHÂN	17/09/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
YTB008925	NGUYỄN THỊ NHÂN	10/07/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.75
THV004101	NGUYỄN THỊ HƯƠNG NHÀI	28/10/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.75
GHA004377	NGUYỄN NHƯ TRANG NHẤT	30/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	27.00
TND005502	DƯƠNG LINH NHI	01/02/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.25
NTH003727	NGUYỄN THẢO NHI	08/04/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.25
XDA002783	ĐINH THỊ NHƯƠC	13/10/97	Nữ	01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.00

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
XDA002744	ĐỖ HỒNG NHUNG	01/11/97	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.00
HDT012522	LÊ THỊ NHUNG	26/02/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
TND005565	MA THỊ NHUNG	06/06/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	26.25
LPH002005	MAI THỊ NHUNG	30/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	17.75
XDA002764	MÃ THỊ NHUNG	02/09/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.50
KHA005399	NGUYỄN HỒNG NHUNG	23/06/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.50
THV004174	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	14/09/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
KHA005462	NGUYỄN THỊ Ý NHƯ	20/07/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	22.25
TND005596	NGUYỄN THỊ NHUNG	14/03/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.25
TND005597	NGUYỄN THỊ NHUNG	17/05/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
YTB009128	PHẠM THỊ NHUNG	10/02/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.50
KQH010441	TẠ THỊ CẨM NHUNG	22/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.00
GHA004464	TRẦN THỊ NHUNG	27/04/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.50
GHA004462	TRẦN THỊ NHUNG	14/08/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
TND005622	VI THỊ NHUNG	21/12/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND005633	AN THỊ HẢI NINH	25/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.00
TND005671	LÝ THỊ NƯƠNG	23/05/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
XDA002814	HOÀNG THỊ OANH	24/09/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	17.25
TND005690	LÝ TRẦN KIM OANH	30/10/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
DCN009785	NGUYỄN THỊ PHẦN	13/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.25
TND005755	TRẦN THỊ PHONG	23/02/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.00
THP002022	BÙI NGUYỄN LAN PHƯƠNG	25/01/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.50
MDA003957	CAO THỊ PHƯƠNG	02/09/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.25
TND005789	CHUNG THỊ HÀ PHƯƠNG	14/02/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
SP2004225	ĐÀO THỊ BÍCH PHƯƠNG	03/04/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.75
TDV014028	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	18/04/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
DCN009986	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	17/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
TND005805	ĐỖ NHẢ PHƯƠNG	14/05/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	18.00
HDT012968	HÀ THỊ PHÚC	28/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
TND005942	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	03/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
TND005820	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	19/11/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
NTH003962	HOÀNG THỊ QUỲNH PHƯƠNG	26/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.75
TND005772	HOÀNG VĂN PHÚC	24/10/98		01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
XDA002939	LÃNG THỊ PHƯƠNG	02/06/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
DTS001294	LÊ MINH PHƯƠNG	01/08/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
MDA003984	LÊ THỊ PHƯƠNG	20/01/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.25
TND005832	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	01/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TDV014099	LÔ THỊ PHƯƠNG	20/06/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
GHA004692	NGÔ HỒNG PHƯƠNG	19/03/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	28.00
TND005856	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	23/08/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.75
KHA005789	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	06/02/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
GHA004739	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	05/01/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	27.75
KHA005790	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	11/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND005860	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	01/07/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
KQH010976	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	02/02/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.75

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
GHA004765	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/08/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.75
TND005872	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	05/03/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.00
GHA004792	NGUYỄN THU PHƯƠNG	24/12/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
HVN007565	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	24/12/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.75
KHA005743	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	10/04/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.25
TND005971	PHƯƠNG THỊ PHƯƠNG	06/05/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	25.75
TND005976	TRẦN THỊ PHƯƠNG	20/09/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
SP2004205	TRẦN THỊ PHƯƠNG	26/06/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
XDA002926	TRIỀU THỊ PHƯƠNG	06/04/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.50
KQH011141	TRINH THỊ HOÀI PHƯƠNG	29/09/97	Nữ		2	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	26.00
TND005924	VŨ HÀ PHƯƠNG	25/12/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.50
TND005925	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	17/11/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.75
TND006165	DƯƠNG THỊ QUYẾN	17/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	27.75
HVN007916	DƯƠNG THỊ QUỲNH	01/04/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	22.75
TND006202	ĐÀO THỊ THUỶ QUỲNH	27/02/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	30.25
MDA004184	ĐINH THỊ QUYẾN	17/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
TND006117	ĐỖ THỊ QUYỀN	17/02/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
HDT013961	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	25/06/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
GHA004983	HOÀNG THỊ QUỲNH	03/09/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
TDV014673	MÃ THỊ QUẾ	14/01/97	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
KHA006061	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	07/06/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.25
KHA005959	NGUYỄN THỊ QUYÊN	22/06/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
YTB010097	NGUYỄN THỊ QUYÊN	07/05/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
KHA006063	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	12/09/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.25
SP2004459	PHÙNG THỊ QUỲNH	12/10/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.75
LNH004679	QUẢN THỊ QUỲNH	15/12/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
LNH004531	TRẦN MINH QUANG	11/12/98			2	D220201-Ngôn ngữ Anh	29.25
TND006287	TRẦN THỊ QUỲNH	03/03/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.00
KHA005971	TRẦN THỊ QUYÊN	24/07/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
TQU002073	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	20/03/98	Nữ	06	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.25
KHA006114	LA THỊ SAN	15/09/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.25
KHA006148	HOÀNG THỊ SEN	15/02/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	19.75
XDA003085	HOÀNG THỊ SIM	07/07/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.75
DCN010890	VŨ THỊ SON	18/11/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
TND006454	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	22/07/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50
TDV015615	VÔ THỊ SƯƠNG	09/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
XDA003159	ĐỖ THỊ THANH TÂM	07/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
TND006679	ÂN THỊ THẢO	06/07/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.50
TND006877	BÙI THỊ THẨM	09/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
TND006684	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	10/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND006702	DƯƠNG THỊ THẢO	26/11/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
YTB010969	ĐINH THỊ THẢO	08/08/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.50
TND006710	ĐINH THỊ THU THẢO	17/06/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.75
YTB010957	ĐỖ THỊ THẢO	12/11/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	24.25
KHA006567	HÀ THỊ THẢO	11/02/97	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.00

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
XDA003331	HOÀNG THỊ THẨM	13/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
KHA006580	HOÀNG THỊ THẢO	24/03/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.50
TND006732	HOÀNG THỊ THẢO	17/12/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
XDA003275	HOÀNG THỊ THU THẢO	16/07/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
KHA006583	KHÔNG THỊ THẢO	24/05/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.25
SPH008845	KHUẤT THỊ THANH	26/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.75
XDA003333	LÀNH THỊ THẨM	09/11/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
HDT015488	LÊ THỊ THẢO	22/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
TND006748	LÊ THỊ THANH THẢO	04/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
KHA006586	LỤC THỊ THẢO	06/08/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.25
GHA005258	NGÔ THỊ THANH	05/05/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
KHA006604	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	15/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.50
KHA006608	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	01/09/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
KQH012683	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	23/08/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.50
GHA005425	NGUYỄN THỊ THẢO	18/03/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
TND006802	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	22/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
NTH004458	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	03/02/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.75
LNH005080	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	22/07/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
KHA006636	NGUYỄN THỊ THẢO	13/11/97	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
TND006804	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	25/05/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
YTB010656	NGUYỄN THỊ THÁI	01/01/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.75
NTH004608	NGUYỄN THỊ THU THẢO	29/06/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
KQH012747	NGUYỄN THỊ THẢO	16/09/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.00
TND006814	NGUYỄN THỊ THẢO	20/02/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
TND006836	NÔNG PHƯƠNG THẢO	22/06/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.00
NTH004632	PHẠM THU THẢO	23/07/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.25
TLA010205	PHÍ THỊ THẢO	05/06/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
NTH004635	TẠ THỊ THU THẢO	07/06/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.25
KHA006729	TỔNG THỊ THẨM	13/05/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.25
XDA003321	TRẦN THU THẢO	11/07/98	Nữ		1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.00
SP2004717	VŨ THỊ THANH	29/12/97	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.75
KHA006452	VŨ THỊ PHƯƠNG THANH	23/11/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.50
TND006875	VŨ THỊ THU THẢO	17/01/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.25
TND006974	CHU THỊ THÊM	22/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
TND006975	HOÀNG THỊ THÊU	15/12/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.75
SPH009340	CAO CẨM THỊ	05/01/98	Nữ		3	D220203-Ngôn ngữ Pháp	23.75
TND007071	NGUYỄN THỊ THƠ	25/06/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	26.00
TDV017466	PHẠM THỊ THƠM	14/07/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
SP2005054	BÙI THỊ THU THỦY	01/02/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.50
XDA003576	DƯƠNG LÊ THỦY	12/02/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.75
TND007202	DƯƠNG THỊ THỦY	18/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
TND007280	ĐÀO THANH THƯ	10/06/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	28.50
TND007209	ĐÀO THỊ THỦY	16/11/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND007086	ĐOÀN THỊ HOÀI THU	01/02/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	20.50
TND007251	ĐOÀN THỊ THÚY	13/07/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	17.50

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
TND007085	ĐỖ THỊ HOÀI THU	12/06/97	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.50
THV005388	ĐỖ THỊ MINH THƯƠNG	04/08/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
KHA006952	ĐỖ VĂN THU	11/04/98			1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.75
XDA003505	HOÀNG TRUNG THUẬN	26/04/98		01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.25
XDA003554	HỨA THỊ THỦY	03/07/95	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	21.25
XDA003477	LÂM THỊ THU	22/03/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
TDV017803	LÊ THỊ THỦY	03/09/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
TND007090	LÊ THỊ HOÀI THU	04/08/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
TND007320	LỤC THỊ THƯƠNG	19/11/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
XDA003535	LỤC THỊ THỦY	28/05/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
TND007221	LÝ THỊ THỦY	27/08/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.25
TQU002379	MA THỊ THUỶ	15/11/97	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
TND007185	MA THỊ THÙY	18/05/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
DTS001597	MA VĂN THUẬN	02/09/98		01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.50
KQH013850	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	09/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.25
KHA007163	NGUYỄN THỊ THÚY	08/02/97	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
TND007337	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	14/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
YTB011804	NGUYỄN THỊ THUỶ	15/11/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.75
DTZ001105	NGUYỄN THỊ MINH THÙY	24/11/97	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	17.50
MDA004963	NGUYỄN THỊ THUỶ	10/02/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.75
MDA004848	NGUYỄN THỊ THU	17/11/97	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	20.25
MDA005026	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	19/04/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	25.00
TND007266	NGUYỄN THỊ THÚY	28/01/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.50
HDT016252	NGUYỄN THỊ THU	03/04/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.50
KHA007251	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	16/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
YTB012154	NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG	25/09/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
TND007146	NÔNG THỊ THUỶ	28/08/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.75
TND007231	NÔNG THỊ THU THỦY	10/03/98	Nữ	06	2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	14.50
KQH013726	PHẠM PHƯƠNG THUỶ	14/10/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
TND007159	PHẠM THỊ THUỶ	12/04/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	22.75
MDA004981	TRẦN THỊ THÚY	25/11/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	24.25
TND007242	TRẦN THỊ THỦY	18/10/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
TND007165	TRẦN THỊ THUỶ	06/02/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.75
NHH002325	TRẦN THỊ THANH THỦY	20/02/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
TND007163	TRẦN THỊ THANH THUỶ	15/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
TND007239	TRẦN THỊ THU THỦY	20/09/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
KHA007176	VI THỊ THÚY	19/03/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.75
NHH002336	VŨ THỊ THÚY	06/10/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
DTS001638	VŨ THỊ THƯƠNG	16/04/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
TND007381	BÙI QUANG TIẾN	10/01/98			2	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
KHA007269	GIÁP THỊ THỦY TIẾN	11/05/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.50
TND007365	HÀ CẨM TIẾN	19/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
LNH005653	NGÔ THỊ TÌNH	21/05/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	18.75
XDA003693	LINH THỊ KIM TÍN	01/07/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
SKH006727	ĐÀO THỊ QUỲNH TRANG	20/06/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
HVN009584	ĐÀO THỊ THU TRÀ	29/08/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
KHA007484	HOÀNG THỊ TRANG	05/02/97	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.25
HDT017574	HOÀNG THỊ TRANG	21/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.75
TND007566	HOÀNG THỊ HIỂN TRANG	30/08/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	28.00
NTH005198	LÊ THIÊN TRANG	23/07/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	31.25
TND007595	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	08/06/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.25
THV005499	LÊ THU TRÀ	10/12/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND007603	LÊ THU TRANG	09/09/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	15.00
TND007613	LƯU THỊ TRANG	13/02/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	24.25
TND007626	MÔNG THỊ TRANG	18/06/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	24.25
TND007695	NGUYỄN THỊ TRANG	30/09/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
GHA006097	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	17/12/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.50
HVN009787	NGUYỄN THỊ TRANG	07/03/98	Nữ		2NT	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	21.50
TDV019171	NGUYỄN THỊ TRANG	20/06/97	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.50
SPH010133	NGUYỄN THỊ HOÀNG TRANG	26/02/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00
DTZ001216	NGUYỄN THỊ THU TRANG	21/10/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	28.25
TND007708	NGUYỄN THUỶ TRANG	05/08/98	Nữ		1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	17.25
TND007717	NÔNG THỊ TRANG	17/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
NHH002462	PHAN THỊ TRANG	21/04/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	19.00
YTB012800	TÔ THỊ QUỲNH TRANG	03/08/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.50
TND007757	TRẦN THỊ TRANG	03/11/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	19.00
KHA007618	TRẦN THỊ HÀ TRANG	22/06/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.25
YTB012816	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	05/05/97	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
KHA007616	TRIỀU THỊ TRANG	01/01/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	21.00
LNH005907	VŨ VĂN TRĂNG	01/10/98			2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
XDA003838	BẾ THỊ TRINH	13/07/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.00
XDA003840	DƯƠNG THÙY TRINH	30/07/97	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.25
HDT018293	LÊ THỊ VIỆT TRINH	24/11/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.50
TND007797	NGUYỄN THỊ MỸ TRINH	22/08/98	Nữ		2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	24.00
XDA003883	ÂU THỊ THANH TRUYỀN	17/09/98	Nữ	01	1	D140234-Sư phạm tiếng Trung quốc	19.25
TND007832	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	10/11/97	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
TND008293	ĐINH THỊ TUYẾT	13/02/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
TND008041	ĐỒNG ANH TUẤN	17/09/98		01	1	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.50
TND008289	LƯU THỊ TUYẾT	25/05/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.00
HDT019332	NGUYỄN THỊ TUYẾN	27/07/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.00
XDA004078	PHƯƠNG THỊ TUYẾT	08/05/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
TND008215	NGUYỄN LƯU TÙNG	28/01/98			2	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	25.25
TND007964	NGUYỄN CẨM TÚ	09/01/97	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.75
KHA007809	NGUYỄN THỊ TÚ	11/05/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.75
KHA008078	CHÂU THỊ TƯƠI	09/01/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.50
XDA004087	LÃNG THỊ TƯƠI	14/08/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	28.00
TMA005995	VŨ THỊ TƯƠI	27/02/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.50
HVN010504	BÙI THỊ TỔ UYÊN	19/11/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.00
YTB013660	BÙI THỊ TÚ UYÊN	22/05/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	22.25
TND008327	CHUNG THỊ TỔ UYÊN	18/10/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50

SBD	HỌ TÊN	SINH	PHÁI	Đối tượng	Khu vực	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	Điểm xét
THV006057	NGUYỄN THU UYÊN	09/11/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
HHA018116	PHẠM THỊ THU UYÊN	01/09/98	Nữ		2	C140231-Sư phạm tiếng Anh	16.50
TND008369	TRẦN THỊ TỐ UYÊN	21/10/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	18.75
KHA008142	VŨ THỊ UYÊN	17/09/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	26.00
SP2005873	VŨ THỊ ANH VÂN	26/12/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	26.50
TND008412	NGUYỄN HẢI VÂN	24/10/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.75
TTN016013	TRƯƠNG THỊ THÚY VÂN	23/08/96	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	22.50
TDV021213	PHẠM THỊ VINH	10/04/97	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
YTB013852	PHẠM TRẦN PHƯƠNG VI	18/03/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.75
KHA008309	TRẦN THỊ VINH	25/12/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	19.00
TND008441	VŨ NGUYỄN NGỌC VI	17/03/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.25
KHA008337	ĐỒNG THỊ VUI	28/02/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.25
KQH016248	ĐINH THỊ XUYẾN	07/12/98	Nữ		2	D220201-Ngôn ngữ Anh	21.00
HDT020090	TRẦN THỊ XUÂN	10/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.25
KHA008439	DƯƠNG HỒNG YẾN	02/11/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.00
TND008615	ĐÀO THỊ YẾN	04/06/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	20.25
TND008601	ĐINH THỊ YẾN	30/07/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.25
KHA008460	HOÀNG HẢI YẾN	07/12/98	Nữ	01	1	D220201-Ngôn ngữ Anh	23.75
GHA006926	HOÀNG THỊ YẾN	20/09/98	Nữ		2NT	D140231-Sư phạm tiếng Anh	21.75
HDT020177	LÊ THỊ YẾN	09/05/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	23.00
KHA008481	NGUYỄN HẢI YẾN	27/03/98	Nữ		1	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
KHA008503	NGUYỄN THỊ YẾN	09/11/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
KHA008500	NGUYỄN THỊ YẾN	07/11/98	Nữ		1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	18.50
KHA008517	NGUYỄN THỊ YẾN	21/07/98	Nữ		1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.25
TND008667	NGUYỄN THỊ YẾN	17/10/98	Nữ		2NT	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
TND008650	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	01/03/98	Nữ		2	D140231-Sư phạm tiếng Anh	24.25
TMA006218	NHỮ THỊ YẾN	30/10/98	Nữ		2NT	D220201-Ngôn ngữ Anh	19.50
TND008671	NÔNG HẢI YẾN	04/09/98	Nữ	01	1	D220204-Ngôn ngữ Trung quốc	20.00
TND008598	TRIỆU THỊ YÊN	23/02/98	Nữ	01	1	D140231-Sư phạm tiếng Anh	23.00

Tổng số thí sinh đỗ: 699